TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI** **TỈNH BÌNH PHƯỚC** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----- ----------**

Bản án số: 57/2023/DS–ST.
Ngày: 29/9/2023.
V/v: "Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông **Cao Đình Thành**.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Văn Kha**, ông **Nguyễn Văn Được**.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy Hằng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 161/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐ-HPT ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1970 (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: ấp 6, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

* Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn D – Sinh năm: 1964 (Vắng mặt).

Trú tại: Khu phố Phú Mỹ, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bà Mai Thị X – Sinh năm: 1972 (Vắng mặt).

Trú tại: Khu phố Phú Mỹ, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Do là chỗ quen biết nhiều năm và vì tin tưởng nhau nên bà Nguyễn Thị L đã nhiều lần cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Mai Thị X vay tiền để vợ chồng ông D, bà X đáo hạn ngân hàng. Bà Nguyễn Thị L cho vợ chồng ông D,

bà X vay nhiều lần với tổng số tiền là 2.600.000.000 đồng *(Hai tỷ sáu trăm triệu đồng),* cụ thể các lần vay như sau:

Lần 1: Vào ngày 17/10/2018 bà Nguyễn Thị L cho vợ chồng ông D, bà X vay 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)*, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 17/11/2018, mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng. Việc vay tiền có làm giấy tờ viết tay, có chữ ký của ông Nguyễn Văn D.

Lần 2: Vào ngày 31/10/2018 bà Nguyễn Thị L cho vợ chồng ông D, bà X vay 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)*, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 31/11/2018, mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng. Việc vay tiền có làm giấy tờ viết tay, có chữ ký của ông Nguyễn Văn D.

Lần 3: Vào ngày 21/11/2018 bà Nguyễn Thị L cho vợ chồng ông D, bà X vay 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)*, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay 21/11/2018, mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng. Việc vay tiền có làm giấy tờ viết tay, có chữ ký của bà Mai Thị X.

Lần 4: Vào ngày 01/12/2018 bà Nguyễn Thị L cho vợ chồng ông D, bà X vay 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)*; Ngày 03/12/2018 bà Nguyễn Thị L cho vợ chồng ông D, bà X vay 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* và ngày 10/12/2018 bà Nguyễn Thị L cho vợ chồng ông D, bà X vay thêm 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng).* Lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, thời hạn vay là 07 ngày kể từ ngày 10/12/2018, mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng. Việc vay tiền được ghi chung trong một giấy mượn tiền, có chữ ký của bà Mai Thị X và ông Nguyễn Văn D.

Lần 5: Vào ngày 31/3/2019 bà Nguyễn Thị L cho vợ chồng ông D, bà X vay 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)*, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay 31/3/2019, mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng. Việc vay tiền có làm giấy tờ viết tay, có chữ ký của bà Mai Thị X.

Từ lúc vay tiền đến nay vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Mai Thị X không trả cho bà Nguyễn Thị L bất kỳ một khoản tiền gốc và tiền lãi nào mặc dù bà Nguyễn Thị L đã đòi rất nhiều lần. Do vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Mai Thị X cố tình chây ì không chịu trả nợ cho bà Nguyễn Thị L nên bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Mai Thị X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc đã vay là 2.600.000.000 đồng *(Hai tỷ sáu trăm triệu đồng)* và tiền lãi trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2023) theo mức lãi suất 10% một năm là 1.142.301.333 đồng, tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 3.742.301.333 đồng *(Ba tỷ bảy trăm bốn mươi hai triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).*

** Bị đơn – Ông Nguyễn Văn D, bà Mai Thị X vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố

tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng khác đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Mai Thị X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc đã vay là 2.600.000.000 đồng *(Hai tỷ sáu trăm triệu đồng)* và tiền lãi trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2023) theo mức lãi suất 10% một năm là 1.142.301.333 đồng, tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 3.742.301.333 đồng *(Ba tỷ bảy trăm bốn mươi hai triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm ba mươi ba đồng)*. Đây là vụ án dân sự có quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do bị đơn là ông Nguyễn Văn D, bà Mai Thị X có địa chỉ cư trú tại khu phố Phú Mỹ, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước nên vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo thủ tục chung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Mai Thị X vắng mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án đã tiến hành tống đạt giấy triệu tập đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Mai Thị X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc đã vay là 2.600.000.000 đồng *(Hai tỷ sáu trăm triệu đồng)*.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà Nguyễn Thị L có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Mai Thị X vay tổng số tiền 2.600.000.000 đồng *(Hai tỷ sáu trăm triệu đồng)* là có thật. Để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn

cứ, bà Nguyễn Thị L cung cấp Giấy vay số tiền 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* vào ngày 17/10/2018 có chữ ký của ông Nguyễn Văn D; Giấy vay số tiền 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* vào ngày 31/10/2018 có chữ ký của ông Nguyễn Văn D; Giấy vay số tiền 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)* vào ngày 21/11/2018 có chữ ký của bà Mai Thị X; Giấy vay số tiền 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)* vào ngày 01/12/2018 có chữ ký của bà Mai Thị X và ông Nguyễn Văn D; Giấy vay số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* vào ngày 03/12/2018 có chữ ký của bà Mai Thị X và ông Nguyễn Văn D; Giấy vay số tiền 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* vào ngày 10/12/2018 có chữ ký của bà Mai Thị X và ông Nguyễn Văn D; Giấy vay số tiền 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* vào ngày 31/3/2019 có chữ ký của bà Mai Thị X.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử... nhưng ông Nguyễn Văn D và bà Mai Thị X vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nào thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Mai Thị X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc đã vay là 2.600.000.000 đồng *(Hai tỷ sáu trăm triệu đồng)*.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Mai Thị X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền lãi trên số tiền nợ gốc 2.600.000.000 đồng tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2023) theo mức lãi suất 10% một năm là 1.142.301.333 đồng *(Một tỷ một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm ba mươi ba đồng)*.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Giấy vay số tiền 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* vào ngày 17/10/2018 có chữ ký của ông Nguyễn Văn D; Giấy vay số tiền 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* vào ngày 31/10/2018 có chữ ký của ông Nguyễn Văn D; Giấy vay số tiền 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)* vào ngày 21/11/2018 có chữ ký của bà Mai Thị X; Giấy vay số tiền 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)* vào ngày 01/12/2018 có chữ ký của bà Mai Thị X và ông Nguyễn Văn D; Giấy vay số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* vào ngày 03/12/2018 có chữ ký của bà Mai Thị X và ông Nguyễn Văn D; Giấy vay số tiền 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* vào ngày 10/12/2018 có chữ ký của bà Mai Thị X và ông Nguyễn Văn D; Giấy vay số tiền 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* vào ngày 31/3/2019 có chữ ký của bà Mai Thị X giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị L với bên vay là vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Mai Thị X thì các bên không ghi lãi suất nên việc bà Nguyễn Thị L cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Mai Thị X vay tiền thuộc trường hợp vay không có lãi.

Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy*

đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác."

Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*". Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất giới hạn không được vượt quá 20%/năm, như vậy, mức lãi suất được áp dụng trong trường hợp trên là 10%/năm.

Theo quy định của pháp luật thì tiền lãi trên số tiền nợ gốc 2.600.000.000 đồng tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2023) là: 04 năm 04 tháng 28 ngày x 2.600.000.000 đồng x 0,83%/01tháng = 1.142.301.333 đồng *(Một tỷ một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).* Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Mai Thị X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền lãi trên số tiền nợ gốc 2.600.000.000 đồng tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2023) theo mức lãi suất 10% một năm là 1.142.301.333 đồng *(Một tỷ một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).*

Từ những phân tích, nhận định tại mục [3.1] và mục [3.2] như trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Mai Thị X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc đã vay là 2.600.000.000 đồng *(Hai tỷ sáu trăm triệu đồng)* và tiền lãi trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2023) theo mức lãi suất 10% một năm là 1.142.301.333 đồng, tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 3.742.301.333 đồng *(Ba tỷ bảy trăm bốn mươi hai triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).*

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

- Ông Nguyễn Văn D và bà Mai Thị X phải chịu 106.846.026 đồng *(Một trăm lẻ sáu triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm hai mươi sáu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Mai Thị X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc đã vay là 2.600.000.000 đồng *(Hai tỷ sáu trăm triệu đồng)* và tiền lãi trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2023) là 1.142.301.333 đồng *(Một tỷ một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm ba mươi ba đồng)*, tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 3.742.301.333 đồng *(Ba tỷ bảy trăm bốn mươi hai triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm ba mươi ba đồng)*.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 42.000.000 đồng *(Bốn mươi hai triệu đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018671 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Ông Nguyễn Văn D và bà Mai Thị X phải chịu 106.846.026 đồng *(Một trăm lẻ sáu triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm hai mươi sáu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án)* hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND TP.Đồng Xoài;
- CCTHADS TP.Đồng Xoài;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

CAO ĐÌNH THÀNH